

Số: 500/2024/QĐST-HNGĐ

Gia Lâm, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 478/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1991

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1990

Cùng trú tại: Thôn D, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Thị T** và anh **Nguyễn Văn A**.
- Công nhận sự thỏa thuận của giữa chị **Vũ Thị T** và anh **Nguyễn Văn A**, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị T và anh A thống nhất xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Tuệ M, sinh ngày 09/01/2015. Khi ly hôn chị T và anh A thống nhất thỏa thuận:

+ Chị T là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ Tuệ M đến khi cháu M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A là bố có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Vũ Tuệ M là 3.000.000 đồng/tháng kể từ thời điểm ly hôn hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh A thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Chị T và anh A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị T chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065611 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND huyện G;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2014; quyền số 01 do UBND xã H, huyện N, tỉnh H chứng nhận ngày 20/6/2014);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng